

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/12/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+TD1+TD5	7:25	17+5+0	0+0+0		12+7+3	0+0+0	
2		TD5+RC3	7:25	22+0	0+0		21+1	0+0	
3		PVD1+TD5-P5	9:25	13+9	0+0		9+12+1	0+0	
4		PVD1	9:25	22	0		21	0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/12/2018	TO: TD3 - TD1 - TD5	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Vận - DUONG - Luy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐANG VĂN HÂN	TD3	86	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
2	GOLOVIN G.V	TD3	78	1	8		110	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN TRUNG HOÀ	TD3	83-84	2	13		68	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN DUY ĐỨC	TD3	80	1	8	25	80	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM HAI ĐĂNG	TD3	76,77	2	18		74	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN TUÂN ANH	TD3	81	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VĂN KHOA	TD3	82	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN VĂN THỌ	TD3	88	1	16		78	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN LÊ KIÊN	TD3	90	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
10	ĐO DUY CHÍNH	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
11	KHUẤT QUANG KIÊN	TD3	87	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ HÙNG ANH	TD3	75	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
13	HÀ VĂN PHÚC	TD3					77	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	89	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
15	ĐANG VĂN MẠNH	TD3	74	1	5		60	LILAMA18	Vietnamese
16	TRẦN THAI AN	TD3	85	1	6		60	DVL	Vietnamese
17	NGÔ THANH SƠN	TD3	91	1	8		76	DVL	Vietnamese
18	TAMBUL ANAK SINTAN	TD1	66-67	2	20		70	KHOAN	Malaysian
19	MESHKOV M. Y	TD1	69	1	10		77	DVL	Russian
20	NGUYỄN VĂN NAM (KS)	TD1	68	1	12		75	DVL	Vietnamese
21	VŨ VĂN NAM	TD1	64	1	12		67	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TIẾP	TD1	65	1	16		78	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	17	17	114	1.276	25	12		01 NB: NGUYEN XUAN DOAN GHE PHU
2	TD1	5	6	70	367	0	7		
3	TD5	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	23	184	1.643	25	22		
WEIGHT KG				184	1.643	25			

GRAND TOAL: 1.852 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/12/2018	TO: TD5 - RC3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Khang - Linh - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NHƯ Ý	TD5				70	81	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ THANH LAM	TD5	94	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN TRUNG THẮNG	TD5	99	1	3		75	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THẠO	TD5	49	1	5		76	PSV	Vietnamese
5	HỒ HOÀN KIỂM	TD5	93	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TÂN TÀI	TD5	47	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
7	BAO NGUYỄN LỘC	TD5	68	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN QUYẾT TIẾN	TD5	48	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN BA HOA	TD5	60	1	2		68	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ HỒNG VƯƠNG*PK-PVD	TD5	03-04	2	12		78	KHOAN	Vietnamese
11	TRỊNH ANH TRƯỞNG	TD5	50	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG NHẬT QUANG	TD5	16	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VŨ NGỌC	TD5	17	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
14	MAI ĐẠI HẢI	TD5	67	1	13		70	KHOAN	Vietnamese
15	THAI VIỆT ĐỊNH	TD5	95-96	2	14		67	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ HỮU KẾ	TD5	97-98	2	13		83	KHOAN	Vietnamese
17	BUI QUANG TUYNH	TD5	900	1	7		56	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU TRUNG	TD5	01	1	12		76	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TÙNG	TD5	05	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
20	NGO VAN SON	TD5	02	1	9		85	KHOAN	Vietnamese
21	DƯƠNG MINH VIỆT	TD5	06	1	5		62	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN XUÂN NGỌC	TD5	07-08	2	10		65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	25	147	1.564	70	21		
2	RC3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	25	147	1.564	70	22		
WEIGHT KG				147	1.564	70			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

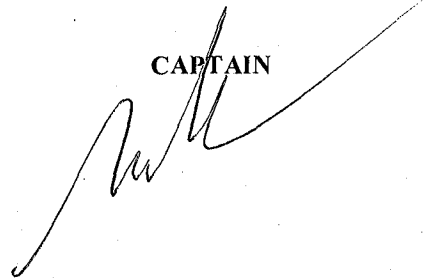
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/12/2018	TO: PVD1 - TD5 - P5	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Khang - Linh - HIẾU	ETA: 11:10
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAI HAI LONG	PVD1	37	1	8		76	D-HANH	Vietnamese
2	HỒ XUÂN TUYẾN	PVD1	38	1	11	33	72	KHOAN	Vietnamese
3	FRANKLIN DELANOR HENSON	PVD1	28-29	2	20		102	KHOAN	American
4	TRAN DUC TUNG	PVD1	30-31	2	11		78	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN VAN DUC	PVD1	32	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
6	MAI QUANG MINH	PVD1	36	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TAT LOC	PVD1	34	1	6		58	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN VAN TRUONG	PVD1	35	1	7		56	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN CAO THUAN	PVD1	33	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
10	DO VAN BIEN	PVD1	24	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN KHAC LAM	PVD1	26	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN DUY	PVD1	27	1	7		58	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM MINH THANG	PVD1	25	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
14	ĐẶNG VĂN THUẬN	TD5	30	1	7		85	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐĂNG NGỌC	TD5	29	1	5		75	PSV	Vietnamese
16	TRẦN MINH HÙNG	TD5	37	1	6		70	PSV	Vietnamese
17	TRỊNH QUỐC HÙNG	TD5	32	1	4		72	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN HOANG LONG	TD5	33	1	3		73	PSV	Vietnamese
19	ĐOÀN TRUNG KIẾN	TD5	36	1	4		60	PSV	Vietnamese
20	PHẠM QUANG HUY	TD5	31	1	2		63	PSV	Vietnamese
21	NGÔ VĂN GIAO	TD5	34	1	5		90	PSV	Vietnamese
22	LƯƠNG ANH HAI	TD5	35	1	6		53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	13	15	102	915	33	9		
2	TD5	9	9	42	641	0	12		
3	P5	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	24	144	1.556	33	22		
WEIGHT KG				144	1.556	33			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

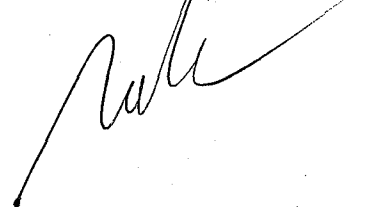
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/12/2018	TO: PVD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Vận - DUONG - Luy	ETA: 11:20
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TOAN	PVD1	63	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN DAI	PVD1	65	1	8		61	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN KHAC NGOC	PVD1	72	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
4	DOAN VAN HUNG	PVD1	68	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG VAN TRUNG	PVD1	66	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DUC HAU	PVD1	69	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN HUU BA	PVD1	67	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
8	VU VAN TANG	PVD1	73-74	2	12		68	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC BAO TU	PVD1	62	1	8		56	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG LINH	PVD1	64	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG VIET HUNG	PVD1	75-76	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN HOANG LONG	PVD1	79	1	11		63	KHOAN	Vietnamese
13	NGO VIET PHUONG	PVD1	77	1	6		84	KHOAN	Vietnamese
14	VU QUANG	PVD1	70-71	2	15		71	DVL	Vietnamese
15	NGUYEN VU QUOC	PVD1	86	1	9		62	DVL	Vietnamese
16	CU NGOC HONG	PVD1	83	1	8		80	DVL	Vietnamese
17	TRAN VAN NGHIA	PVD1	87	1	12		85	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN VAN THU	PVD1	80	1	12		70	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN HUU HA	PVD1	82	1	15		70	DVL	Vietnamese
20	ĐẶNG TRỌNG THỨC	PVD1	81	1	7		72	DVL	Vietnamese
21	NHAM ĐỨC TUÂN	PVD1	84-85	2	10		70	DVL	Vietnamese
22	BUI HUY BANG	PVD1	78	1	12		64	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	22	26	193	1.487	0	22		
	TOTAL	22	26	193	1.487	0	22		
	WEIGHT KG			193	1.487	0			

GRAND TOAL: 1.680 KGS

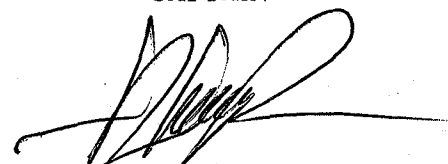
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/12/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+TTC3+PVD2	7:25	22+0+0	0+0+0		12+1+9	0+0+0	
2		P7+TTC2+P9	7:25	14+0+8	0+0+0		12+0+10	0+0+0	CHUYẾN 1 PAX TTC2-P9
3		P5+P2	7:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
4		P10+BK5	7:25	22+0	0+0		20+2	0+0	
5		P9+CTK3	9:25	20+2	0+0		18+3	0+0	CHUYẾN 2 PAX P9-CTK3
6		P2+BK3+BK10	9:25	8+8+6	0+0+0		3+8+11	0+0+0	CHUYẾN 1 PAX BK3-BK10
7		P2+P8	9:25	8+14	0+0		0+22	0+0	
8		BK8+BK4+TD2	9:25	5+5+12	0+0+0		4+4+14	0+0+0	
9		P11+RC4	11:25	12+10	0+0		12+10	0+0	
10		P10+P4	11:25	9+13	0+0		7+15	0+0	
11		P1+P7+AMD	11:25	8+6+0	0+0+0		5+16+1	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/4 NGƯỜI ĐI P7 VỀ TRONG NGÀY

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/12/2018	TO: TD2 - TTC3 - PVD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Vận - TÙNG - PTUẤN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HAI	TD2	11	1	5	40	77	KHOAN	Vietnamese
2	GROMOV S.A	TD2	14	1	10		84	KHOAN	Russian
3	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	17	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
4	TRƯỜNG THANH TÙNG	TD2	12	1	2		74	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TUẤN	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
6	BUI TRUNG THỌ	TD2					71	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ ANH QUÂN	TD2	29	1	2		82	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	19	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	22	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	15	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THĂNG	TD2	25	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ MINH HAI	TD2	20	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ TRƯỜNG LAM	TD2	13	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG KHÁC	TD2	23	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG VIỆT LINH	TD2	18	1	10		102	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN QUANG HÙNG	TD2	21	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN ANH ĐỨC	TD2	16	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
18	NGO ĐOAN ĐỨC	TD2	24	1	10		79	KHOAN	Vietnamese
19	SHVETNIKOV V.I	TD2	30	1	6		89	KH-THAC	Russian
20	LƯU TIẾN THANH	TD2	26	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN QUANG HOANG	TD2	27	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HOANG KHA	TD2	28	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	20	126	1.630	100	12		
2	TTC3	0	0	0	0	10	1		
3	PVD2	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		22	20	126	1.630	50	22		
WEIGHT KG				126	1.630	50 + 60			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/12/2018	TO: P7 - TTC2 - P9	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - Hạng - N.Nam	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TOAN	P7	10	1	5		72	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN TRUONG TUNG	P7					70	KH-THAC	Vietnamese
3	NHAM DIEN BIEN	P7					70	NIPI	Vietnamese
4	PHAN VAN THINH	P7	09	1	5		70	NIPI	Vietnamese
5	NGUYEN BA LUONG	P7				86	65	KHOAN	Vietnamese
6	BUI NGOC LAM	P7	01	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN HUY HUNG	P7	07	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	VU VAN QUY	P7	17	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
9	VU VAN DOANH	P7					72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN XUAN	P7	06	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN BINH	P7	08	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN QUANG HAO	P7	02	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM VAN KHOAN*PK-PVD	P7	04-05	2	10		60	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN CHAN	P7	03	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN BA THANH	P9	72	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
16	HO DUC HIEN	P9	69	1	5		62	YTE	Vietnamese
17	TRAN VAN QUE	P9	80	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN THANH HAI	P9	71	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	LE TAM THUY	P9	70	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN DUY ANH	P9	89	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
21	DAO VIET HAI	P9	73	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
22	LE LANG TU	P9	74,90	2	8		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

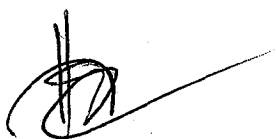
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	14	11	61	938	86	12		CHUYEN 01 PAX TU TTC2 SANG P9
2	TTC2	0	0	0	0	20	0	1	
3	P9	8	9	44	567	0	10		
TOTAL		22	20	105	1.505	106	22		
WEIGHT KG				105	1.505	106			

GRAND TOAL: 1.716 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/12/2018	TO: P5 - P2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Bằng - ĐỨC - THẢO -	ETA: 09:30
TRANG-1		TĐông	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN NHIỀU	P5	24	1	5		65	PVC-PT	Vietnamese
2	NGUYỄN CANH SƠN	P5	23	1	10		73	PVC-PT	Vietnamese
3	LÊ BA NGỌC	P5	22	1	8		60	PVC-PT	Vietnamese
4	PARSHIN	P2	93	1	12		86	KH-THAC	Russian
5	LÊ TRI HẠO	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN ANH ĐỨC	P2	89	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ CÔNG ANH	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2	72	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG THANH TRUNG	P2	94	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ TUẤN VIỆT	P2	71,100	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
11	VÕ XUÂN TUẤN	P2	90	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
12	BIỆN ĐĂNG SÂM	P2	87	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH UT	P2	98	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					75	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG QUỐC VIỆN	P2	73	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THẾ KHƯƠNG	P2	99	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	88	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI UY HUNG	P2	95	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
19	HOANG QUANG HUNG	P2	96-97	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN THĂNG	P2	74-75	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
21	TRƯƠNG MINH THĂNG	P2	91	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	P2	92	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

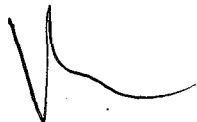
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	3	3	23	198	0	0		
2	P2	19	19	132	1.301	0	22		
TOTAL		22	22	155	1.499	0	22		
WEIGHT KG				155	1.499	0			

GRAND TOAL: 1.654 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/12/2018	TO: P10 - BK5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Phong - MTHAO - DTùng	ETA: 09:20
vang-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN HUNG MEN	P10	02	1	6	50	65	YTE	Vietnamese
2	EVSEEV O.V	P10	05	1	8		95	KH-THAC	Russian
3	PODYMOV D.N	P10	01	1	10		146	KH-THAC	Russian
4	NGUYEN QUOC KHANH	P10	06	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN KIM NGOC	P10	16	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THE HUNG	P10	15	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM VAN HUONG	P10	18	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
8	VU NGUYEN TRUNG	P10					49	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐANG VAN HOI	P10	11	1	10		59	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN HUU TRI	P10	19	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN KHANH TOAN	P10	13	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN TAM NHAN	P10	08	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO THANH HA	P10	14	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VIET ANH	P10	07	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC PHI	P10	23	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
16	LE QUOC TIEN	P10	12	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐO TRUONG THINH	P10	09	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HUAN	P10	17	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐO DINH VAN	P10					63	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM HUU TRI	P10					75	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN TRONG MANH	P10	03-04	2	12		59	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐO LEMH DAO	P10	10	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

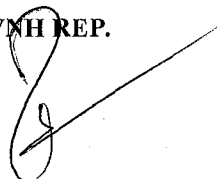
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	22	20	124	1.602	50	20		
2	BK5	0	0	0	0	80	2		
TOTAL		22	20	124	1.602	130	22		
WEIGHT KG				124	1.602	130			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

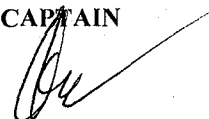
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/12/2018	TO: P9 - CTK3	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Bằng - THẢO -	ETA: 11:30
TRANG-2		TĐông	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN XUÂN HƯƠNG	P9	10	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN LINH	P9	25-26	2	13		68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	13	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRỊNH THỂ NHÂN	P9	21	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HIỆU	P9	22	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH HIẾN	P9	15-16	2	12		76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TUNG	P9	20	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HUY	P9	17-18	2	18		62	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀU THỂ HAI	P9	19	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	HƯA SAY	P9	14	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI CÔNG THẮNG	P9	07	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐỨC HAI	P9	12	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN NGỌC ĐỘ	P9	05	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	06	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐÀ KHA	P9	24	1	4		88	KH-THAC	Vietnamese
16	LUÔNG XUÂN THAI	P9	23	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRỊNH HUY KHIÊM	P9	0			22	72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC THANH	P9	09	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC LANG	P9	04	1	10		65	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC MINH	P9	08	1	3		60	PSV	Vietnamese
21	MOHD IRWANIZA B.A BAKAR	CTK3	56-57	2	17		95	KH-THAC	Malaysian
22	PHẠM HỮU TÙNG	CTK3	35	1	5		70	SANBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

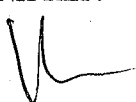
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	20	22	115	1.412	22	18	2	CHUYEN 2 PAX P9 SANG CTK3
2	CTK3	2	3	22	165	0	3		
TOTAL		22	25	137	1.577	22	21		
WEIGHT KG				137	1.577	22			

GRAND TOAL: 1.736 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/12/2018	TO: P2 - BK3 - BK10	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Vận - TÙNG - PTUẤN	ETA: 11:10
CAM-2			

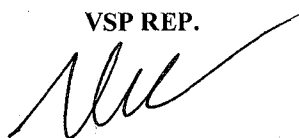
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐÌNH MINH	P2	76	1	8		50	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	P2	93	1	5		67	LILAMA18	Vietnamese
3	PHẠM VĂN NHỊ	P2	92	1	5		65	LILAMA18	Vietnamese
4	VŨ LÊ HÙNG	P2	79	1	2		54	LILAMA18	Vietnamese
5	NGUYỄN HOANG KHANH	P2	91	1	5		68	LILAMA18	Vietnamese
6	TRẦN CÔNG LỰC	P2	78	1	4		60	LILAMA18	Vietnamese
7	HOANG MINH QUAN	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HẠN	P2	77	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐO VĂN TỰ	BK3				40	78	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM HIỀN TRƯƠNG	BK3	61	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	BK3	58	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
12	TÔ ĐÌNH TUYẾN	BK3	57	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ CÔNG VINH	BK3	59-60	2	11		71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN BA DUY	BK3	56	1	2		59	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÌNH QUANG SƠN	BK3	55	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC MẠN	BK3	62	1	5		59	PSV	Vietnamese
17	KISELEV IGOR	BK10	01	1	12	70	95	KH-THAC	Russian
18	TRẦN CÔNG HOÀN	BK10	09	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN CHAU NAM	BK10	03	1	9		83	KH-THAC	Vietnamese
20	NGHIÊM XUAN ANH	BK10	02	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐOÀN NGUYỄN BAO CHÂU	BK10	04	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
22	MAI CAO ĐỊNH	BK10	10-12	3	14		54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	8	7	33	509	0	3		CHUYỂN 1 PAX BK3 SANG BK10
2	BK3	8	8	52	533	40	8+1		
3	BK10	6	8	49	427	70	11		
TOTAL		22	23	134	1.469	110	22		
WEIGHT KG				134	1.469	110			

GRAND TOAL: 1.713 KGS

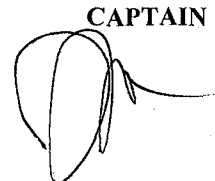
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/12/2018	TO: P2 - P8	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Phong - MTHAO - DTùng	ETA: 11:20
NAU-2			

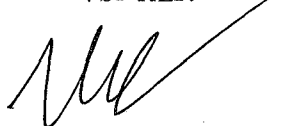
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	38	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN CHÍ HƯƠNG	P2	39	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
3	VU QUANG VINH	P2	40	1	10		76	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐÀO MINH TIẾN	P2	41-42	2	20		66	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN MINH	P2	43	1	14		80	T-TIN	Vietnamese
6	LÊ NHƯ HIỀN	P2	44	1	7		58	T-TIN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN ĐỨC	P2					75	T-TIN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HOAN	P8	17-18	2	10		80	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ HỒNG HÂN	P8	03-04	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
10	VÔ VĂN HIỆP	P8	16	1	15	40	70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN ĐỀ	P8	01	1	15		52	XAYLAP	Vietnamese
12	NGO VĂN TUÂN	P8	19-20	2	15		78	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN NGỌC QUYẾT	P8	12	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH PHONG	P8	15	1	11		66	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ HUY DUÂN	P8	07-08	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
16	HUYNH ĐỨC TÂM	P8	11	1	7		65	XAYLAP	Vietnamese
17	LUƠNG ĐỨC DÂN	P8	02	1	5		63	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CUƠNG	P8	09-10	2	16		76	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM BA HOÀNG	P8	05-06	2	16		66	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN CÔNG QUYNH	P8	13-14	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG DƯƠNG	P8	21	1	13		86	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	7	7	59	487	0	0		
2	P8	14	21	189	966	40	22		
TOTAL		21	28	248	1.453	40	22		
WEIGHT KG				248	1.453	40			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/12/2018	TO: BK8 - BK4 - TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: HUNG - Hạnh - N Nam	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG THẾ VINH	BK8	89	1	7	35	68	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐOÀN MINH XANH	BK8	92	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
3	VU ĐÌNH THUẬN	BK8	88	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
4	CAO VĂN HỘI	BK8	91	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN THUẬN	BK8	90	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
6	VU VĂN CUONG	BK4	93	1	4	16	76	KH-THAC	Vietnamese
7	TÔNG TRUNG HUY	BK4	91	1	6	35	76	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC BA	BK4	89	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN ANH	BK4	92	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	90	1	5		67	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN THẾ HANH	TD2	40	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM THẾ QUANG	TD2	48	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
13	VU NGỌC TỰ	TD2	44	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese
14	VÔ TRỌNG NHIÊN	TD2	46-47	2	10		50	KH-THAC	Vietnamese
15	VU VIỆT HUAN	TD2	43	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯƠNG NGỌC HOANG	TD2	42	1	9		77	DVL	Vietnamese
17	ĐOÀN QUANG HIỆU	TD2	39	1	9	40	57	GETRACO	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐẠI DƯƠNG	TD2	36	1	6		75	GETRACO	Vietnamese
19	BUI VĂN TUẤN	TD2	37	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
20	TRẦN HỮU THUẬN	TD2	41	1	10		82	GETRACO	Vietnamese
21	NGUYỄN KIM HIỆU	TD2	38	1	5		62	GETRACO	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TRUNG	TD2	45	1	11		78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

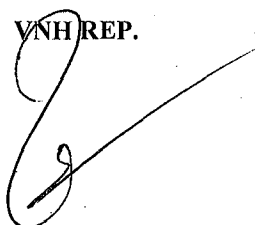
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	5	5	31	333	35	4		
2	BK4	5	5	29	374	51	4		
3	TD2	12	13	99	814	40	14		
TOTAL		22	23	159	1.521	126	22		
WEIGHT KG				159	1.521	126			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

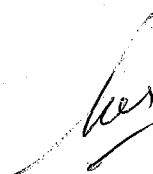
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/12/2018	TO: P11 - RC4	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: VThắng - Vậ - PTUẤN	ETA: 13:10
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG MẠNH CUỒNG	P11					65	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN CỎ	P11	12	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ NGỌC ANH	P11	16	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI CÔNG LAN	P11					70	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VĂN TUẤN	P11	17	1	5	20	50	KH-THAC	Vietnamese
6	CAO MINH HOANG	P11	10	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	VU ĐANG HOANG	P11	09	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG BẢNG	P11	15	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRƯỞNG NHẬT MINH	P11	13	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	P11	14	1	10		65	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HIẾN	P11	08	1	3		70	PSV	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC CHI	P11	11	1	5		60	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN HẠM CHUNG	RC4	51	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC HẠO	RC4	61	1	10		78	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM THẾ VINH	RC4	59-60	2	14		100	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ HỒNG DUNG	RC4	54	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
17	LƯƠNG XUÂN QUANG	RC4	44-46	3	20	70	58	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG ĐÌNH HOA	RC4	47-48	2	18		52	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN BA THANH	RC4	49-50	2	18		74	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG QUYỀN	RC4	57-58	2	10		74	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ VĂN THẮNG	RC4	52	1	15	15	65	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN KHÁC THO	RC4	55-56	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

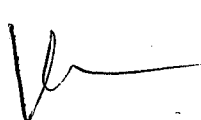
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	12	10	55	796	20	12		
2	RC4	10	17	145	706	85	10		
TOTAL		22	27	200	1.502	105	22		
WEIGHT KG				200	1.502	105			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/12/2018	TO: P10 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hạnh - Linh - NNam	ETA: 13:15
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH CÔNG VÂN	P10	26	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
2	TRỊNH XUÂN QUÂN	P10	24	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG SỸ NGUYEN	P10	28	1	5	70	76	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VĂN ĐẠT	P10	29-30	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN MẠNH CUÔNG	P10	31	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ HAI HOÀ	P10	27	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ QUÝ BƯỞNG	P10	35	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ LAN PHƯƠNG	P10	34	1	5		62	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN CÔNG MẠNH	P10	25	1	6		76	PSV	Vietnamese
10	VŨ THANH LONG	P4	40-41	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM VĂN LONG	P4	46	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ PHÚC HOANG	P4	38-39	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN CHIÊU	P4	47	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NGHI	P4	43	1	5		72	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LOAN	P4	45	1	5		47	PSV	Vietnamese
16	BUI VĂN MƯỜI	P4	34	1	3	50	56	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TRUNG THANG	P4	44	1	5		80	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN AI	P4	36	1	4		56	PSV	Vietnamese
19	ĐO KHẮC ĐÀ	P4	42	1	5		65	PSV	Vietnamese
20	TRẦN TRUNG KIẾN	P4	37	1	5		63	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	P4	35	1	5		60	PSV	Vietnamese
22	VŨ VĂN PHÚC	P4	48	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	9	10	69	652	70	7		
2	P4	13	15	98	854	50	15		
TOTAL		22	25	167	1.506	120	22		
WEIGHT KG				167	1.506	120			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

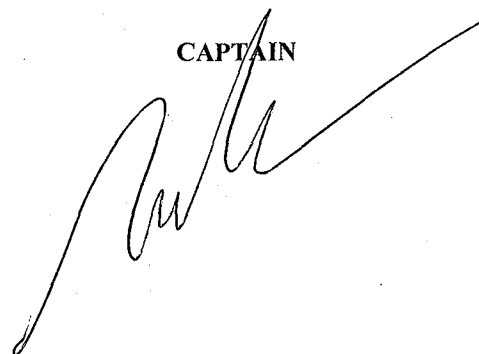
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/12/2018	TO: P1 - P7 - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:40
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - DTùng	ETA: 13:20
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MINH THAO	P1	20	1	15		65	DVL	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TRƯỜNG	P1	23	1	6		68	PSV	Vietnamese
3	PHAN TRỌNG MINH	P1	21-22	2	7		68	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P1	18	1	5		60	PSV	Vietnamese
5	PHAN VĂN AN	P1	19	1	5		60	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH GIAU	P1	17	1	5		65	PSV	Vietnamese
7	PHẠM VĂN TUÂN	P1	600	1	5		80	PSV	Vietnamese
8	BUI SONG TOAN	P1	24	1	6		70	DK9	Vietnamese
9	PHAN TUÂN LONG	P7	38	1	8		64	KHOAN	Vietnamese
10	HUYNH TRUNG NGHIA	P7	39	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	P7	40-41	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PIVNHIK	P7	43	1	7		105	NIPI	Russian
13	VU VAN TRONG	P7	42	1	5		70	NIPI	Vietnamese
14	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	P7	18	1	5		53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

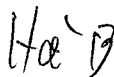
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	8	9	54	536	0	5		
2	P7	6	7	46	430	0	16		
3	AMD	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		14	16	100	966	0	22		
WEIGHT KG				100	966	0			

GRAND TOAL: 1.066 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

